

Bản án số: 374/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/12/2021.

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hồng Giang

1. Ông Nguyễn Xuân Lưu

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 17/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2021 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2021/QĐHPT-DSST ngày 25/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn B, xã SP, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn B, xã SP, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

Hiện đang thi hành án tại Trại giam số 1 – Thành phố Hà nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

Có luật sư Lê Thu Hiền – Công ty luật TNHH STC – Đoàn LSTP Hà Nội

B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lê Thị N

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Chị và anh Lê Thanh T, sinh năm 1989, Trú tại: thôn B, xã SP, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội kết hôn ngày 29/6/2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã HM, huyện HH, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trở lên trầm trọng từ năm cuối năm 2019. Từ thời điểm này, hai vợ chồng chị không ai quan tâm đến ai và đã ly thân từ thời điểm tháng 12/2019. Đến thời điểm tháng 5/2021, do vi phạm pháp luật, anh Lê Thanh T đã bị Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” và anh T hiện đang đi chấp hành án tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội. Nay, chị Lê Thị N xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Thanh T.

Về con chung: Chị và anh Lê Thanh T có 01 (một) con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 15/02/2019. Hiện nay, cháu Lê Gia B đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh Lê Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị N và anh T có mua chung một chiếc xe Honda Vision mang biển kiểm soát 29X5 – 525 – 01, đăng ký tên của chị Lê Thị N với số tiền mua là 39.300.000đ. Do cần tiền chi tiêu trong gia đình, anh chị đã bán chiếc xe này cho một người không quen biết để sử dụng vào chi tiêu chung. Nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Lê Thanh T trình bày:

Anh Lê Thanh T công nhận có kết hôn với chị Lê Thị N, sinh năm 1990, trú tại: Thôn B, xã SP, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội vào ngày 26/9/2018 và đăng ký kết hôn tại UBND xã HM, huyện HH, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, hai anh chị đã chung sống với nhau tới thời điểm tháng 12 năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến hai bên sống ly thân. Nay chị Lê Thị N xin ly hôn, anh T không đồng ý vì mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Trường hợp chị N cương quyết xin ly hôn thì anh T có những yêu cầu sau: Chị N không được cản trở anh T thăm nom con chung; nếu chị N nhận nuôi con thì chị N phải có trách nhiệm giữ liên lạc và thông báo cho anh T về tình hình sức khỏe của con; Ngoài ra, do trong thời kỳ chung sống với nhau, chị N và anh T có mua chung một chiếc xe Honda Vision mang biển kiểm soát 29X5 – 525 – 01, đăng ký tên của chị Lê

Thị N với số tiền mua mà 39.300.000đ, nay chị N xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị N phải có trách nhiệm trả lại cho anh T 50% giá trị của chiếc xe mà anh T và chị N đã mua.

Tại biên bản xác minh khai ngày 04/11/2021 UBND xã SP và đại diện Bộ phận lao động thương binh xã hội xã có ý kiến:

Chị Lê Thị N, sinh năm 1990 và anh Lê Thanh T, sinh năm 1989 đều trú tại: Thôn B, xã SP, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội không đăng ký kết hôn tại UBND xã SP. Anh chị có sinh được một con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 15/2/2019, có đăng ký khai sinh tại UBND xã SP, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Hiện nay, cháu Lê Gia B đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Lê Gia B không thuộc trường hợp trẻ khuyết tật hoặc đang nhận trợ cấp xã hội của địa phương.

Quá trình chung sống tại địa phương, chị N và anh T có mâu thuẫn về mặt tình cảm hay không, địa phương không nắm được. Nay vụ kiện xảy ra, UBND xã SP đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại biên bản xác minh khai ngày 07/7/2020, Công an xã SP cung cấp nội dung:

Anh Lê Thanh T, sinh năm 1989, có nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã SP, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội có vợ là chị Lê Thị N, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn B, xã SP, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Anh T hiện nay không có mặt tại địa phương nhưng chưa cắt chuyển khẩu đi nơi khác.

+ Quan điểm của Luật sư Lê Thu Hiền – Công ty luật TNHH STC- Đoàn Luật sư Hà Nội B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lê Thị N :

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Lê Thanh T

Về con chung: giao con chung cháu Lê Gia B cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung

Về tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị N không yêu cầu chia tài sản chung. Bác yêu cầu của anh T về việc chia tài sản chung do trên thực tế chị N đã phải bán xe máy Honda Vison là tài sản chung của hai vợ chồng đã sử dụng hết để trang trải việc chi tiêu gia đình trong thời gian sống ly thân cũng như mất thu nhập do nghỉ việc vì dịch Covid .

+ Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán ,Hội đồng xét xử ,Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử

thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

- Về điều luật áp dụng:

+ Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

+ Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Căn cứ vào Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Lê Thanh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh T.

- Về con chung: giao cháu Lê Gia B sinh ngày 15/2/2019 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp phí tồn nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị N có yêu cầu hay có sự thay đổi khác

- Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bác yêu cầu chia tài sản chung của anh Lê Thanh T là ½ giá trị xe máy Honda Vison biển kiểm soát 29X5 – 525-01 vì phần tài sản này chị N đã bán đi sử dụng hết vào việc chi tiêu gia đình trong thời gian sống ly thân cũng như mất thu nhập do nghỉ việc vì dịch Covid.

- Về án phí: chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lê Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với anh Lê Thanh T là quan hệ pháp luật về tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn là anh Lê Thanh T có hộ khẩu và nơi thường trú tại địa bàn huyện Hoài Đức. Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm

quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. *Về hôn nhân*: chị Lê Thị N và anh Lê Thanh T đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện và thủ tục về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Sau kết hôn, chị N và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống. Chị N đã làm đơn lên Tòa xin ly hôn, sau đó lại rút đơn về. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng chị N và anh T không cải thiện và tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng vì vậy chị N tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Tòa án đã trực tiếp vào trại giam lấy lời khai của anh T, trong quá trình làm việc anh T có mong muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái, tuy nhiên, bản thân anh T không có phương án, cũng như giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh T cũng thừa nhận hai vợ chồng đã ly thân từ thời điểm cuối năm 2019. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ yêu cầu của chị N xin ly hôn với anh T là có căn cứ theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. *Về con chung*: Chị Lê Thị N và anh Lê Thanh T có 01 (một) con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 15/02/2019. Khi ly hôn, chị N đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Anh T không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh T cũng không đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà chỉ đề nghị được thăm nom, chăm sóc và giữ liên lạc với con chung trong trường hợp chị N cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Gia B chưa đủ 36 tháng tuổi, đang do chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Thanh T hiện đang chấp hành án theo Bản án hình sự số 88/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Lê Gia B cho chị Lê Thị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng để đảm bảo việc phát triển bình thường của cháu B.

Anh Lê Thanh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Thanh T cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Lê Thanh T có yêu cầu về việc quá trình chung sống, anh chị có mua được một chiếc xe máy Honda Vision biển số mang biển kiểm soát 29X5 – 525 – 01 với giá: 39.300.000đ nhưng chị N đã tự ý bán chiếc xe trên mà chưa được sự đồng ý của anh, nay anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc trả lại cho anh tài sản là chiếc xe này. Đối với yêu cầu của anh T, chị N cho rằng việc bán xe anh T biết và tiền bán xe sử dụng vào chi tiêu của gia đình và nuôi con do chị không nhận được hỗ trợ tài chính của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy toàn bộ số tiền bán xe đã chi tiêu hết và không còn để chia trả cho anh T. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Lê Thị N và anh Lê Thanh T đều thừa nhận trong quá trình chung sống, hai vợ chồng anh chị có tạo lập được một tài sản là: chiếc xe máy Honda Vision biển số mang biển kiểm soát 29X5 – 525 – 01 với giá: 39.300.000đ. Thời điểm năm 2019, chị N đã bán chiếc xe máy trên. Anh T cho rằng việc bán xe không có sự đồng ý của anh T tuy nhiên anh T không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Quá trình làm việc Tòa án đã hướng dẫn anh T làm thủ tục yêu cầu chia tài sản chung nhưng anh T không hợp tác và không cung cấp lời khai cho Tòa án. Mặt khác cả hai đều thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 12/2019 và cháu Lê Gia B do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì vậy lời khai của chị N về việc bán xe máy sử dụng vào việc chi tiêu là nuôi con chung có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Yêu cầu của anh T về việc chia $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy Honda Vison không có căn cứ để chấp nhận Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu của anh Lê Thanh T

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị N.

Xử: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Lê Thanh T.

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Gia B, sinh ngày 15/02/2019 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Lê Thanh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Thanh T cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản chung: Bác yêu cầu của anh Lê Thanh T về việc yêu cầu chia tài sản chung là chiếc Honda Vision biển số mang biển kiểm soát 29X5 – 525 – 01.

4. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0015024 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận
-TAND thành phố Hà nội
-VKSND H Hoài Đức
- Chi cục THADS Hoài đức
- UBND xã Kim Chung
- Sở tư pháp TP Hà nội
-Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hồng Giang